

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP May Hữu Nghị

Ngày 30/09/2025	25,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.2%	11.6%	6.0%

DT thuần Q3/25
233
tỷ VNĐ
QoQ: ▼126 -35.2%
YoY: ▼134 -36.6%

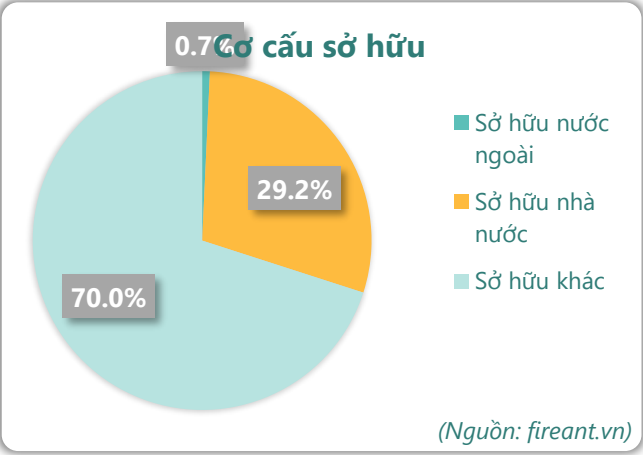
LN thuần Q3/25
13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.40 -32.7%
YoY: ▼5.30 -28.7%

LN sau thuế Q3/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.90 -31.6%
YoY: ▼5.50 -34.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
5.7%
YoY: +/-▲ 0.2%

ROE (TTM) Q3/25
16.6%
YoY: +/-▼ 1.8%

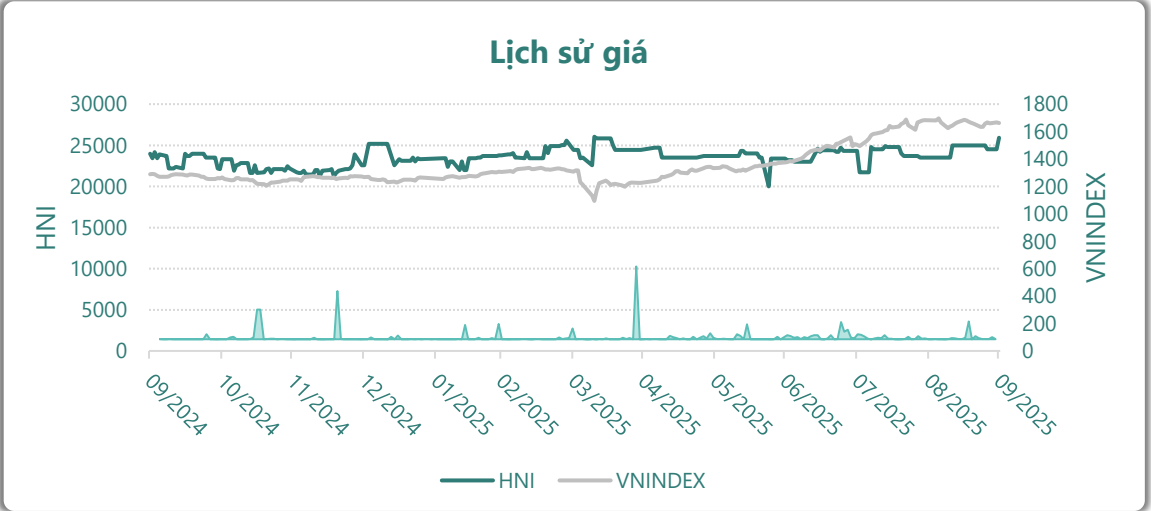
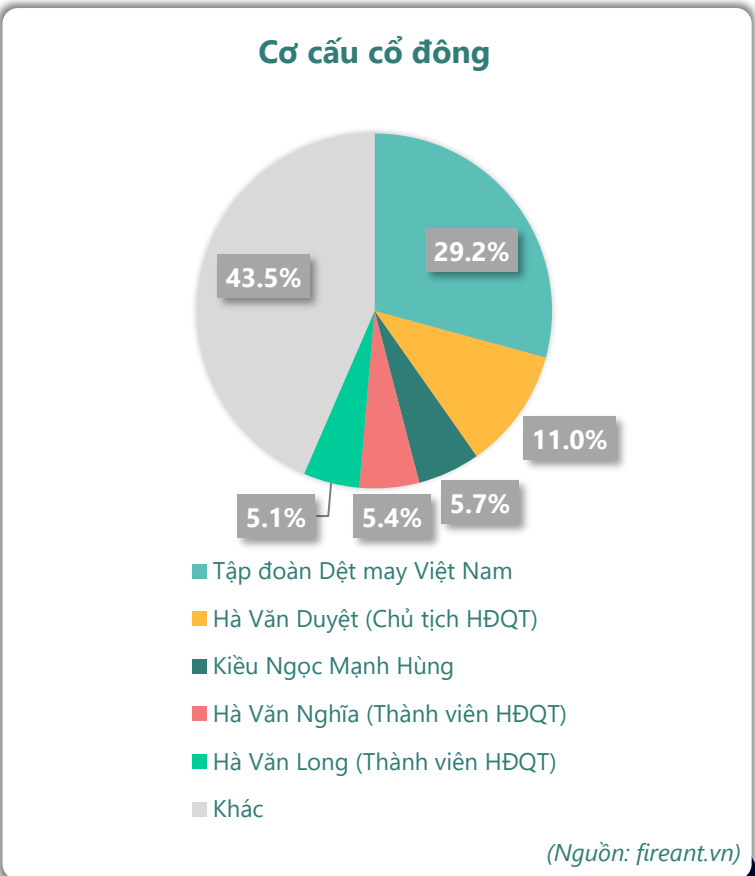
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,000 - 26,038
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	616
Số lượng CPLH (CP)	23,777,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	445
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.26
EPS	3,108
P/E	8.3



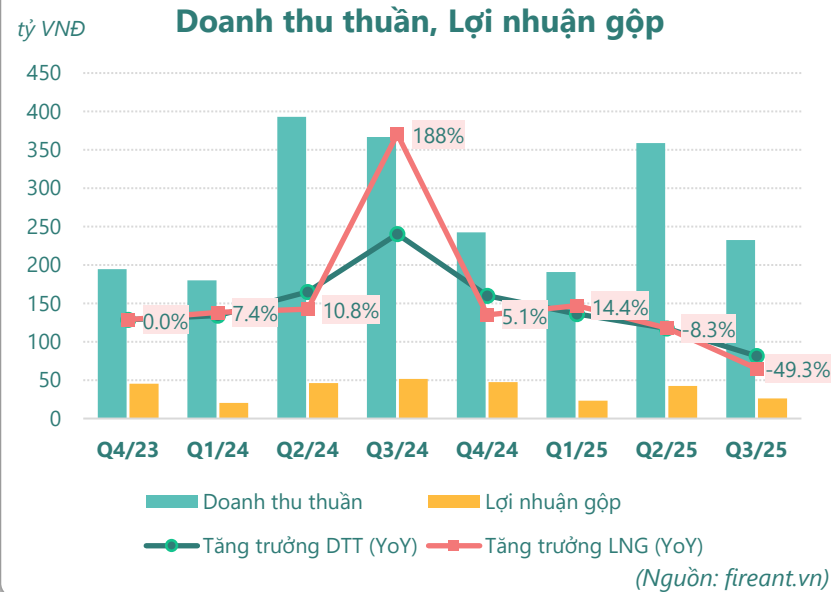
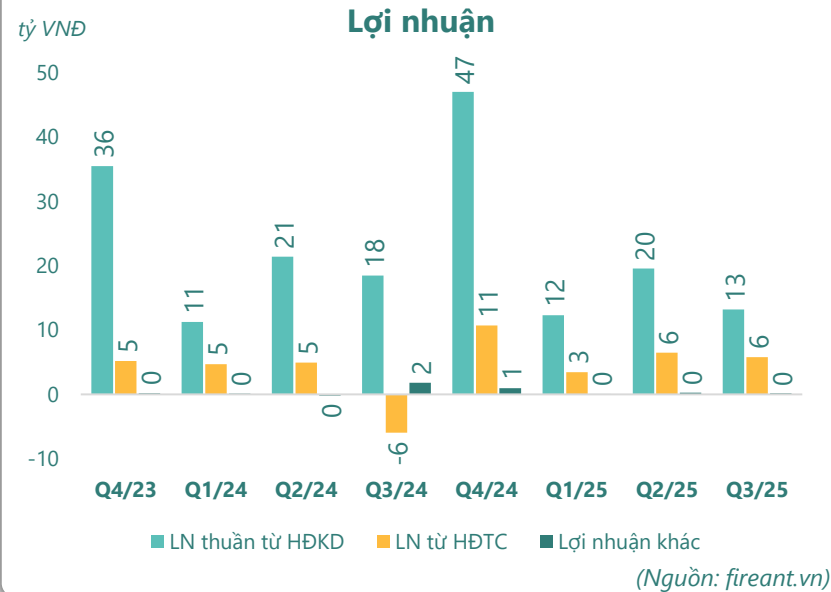
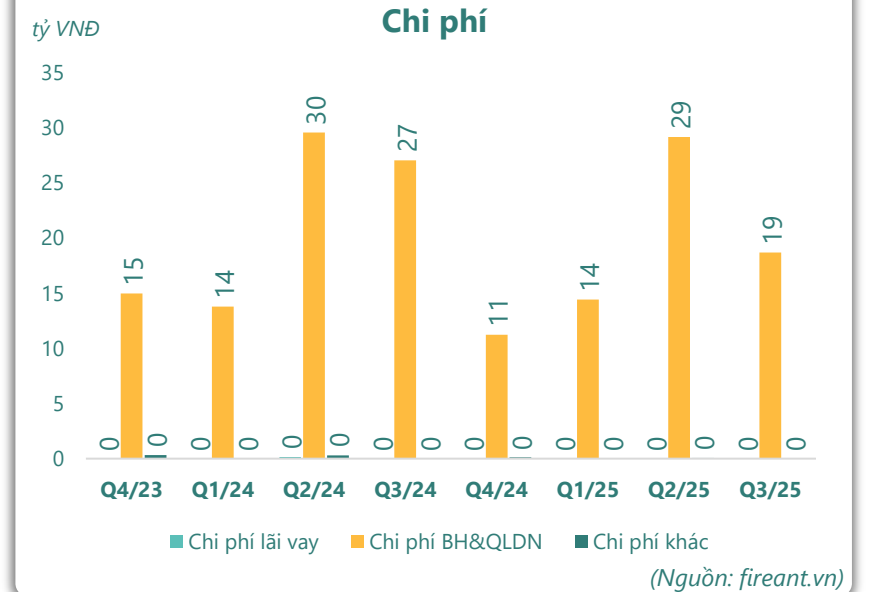
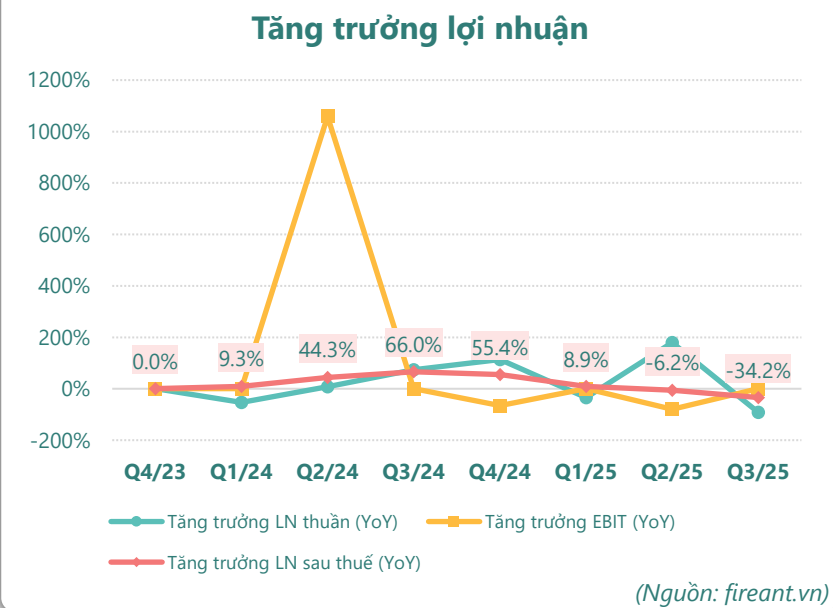
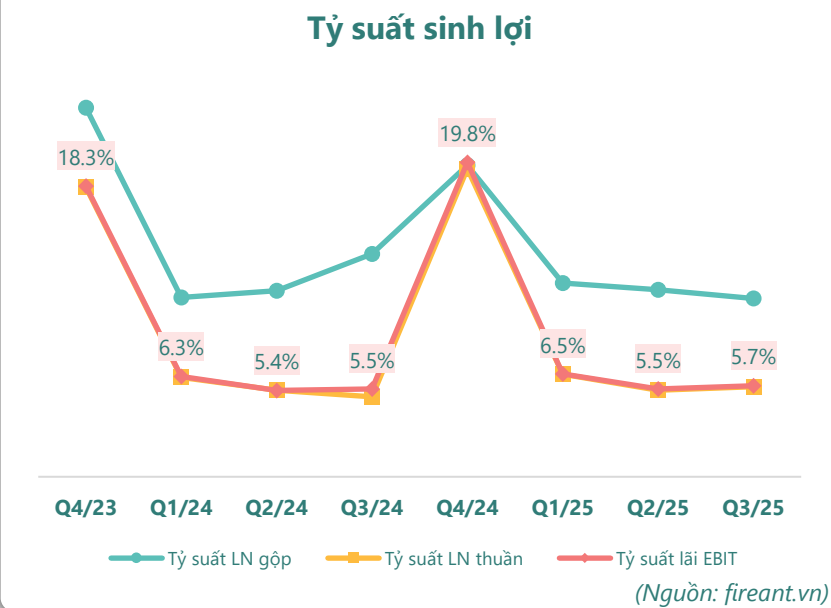
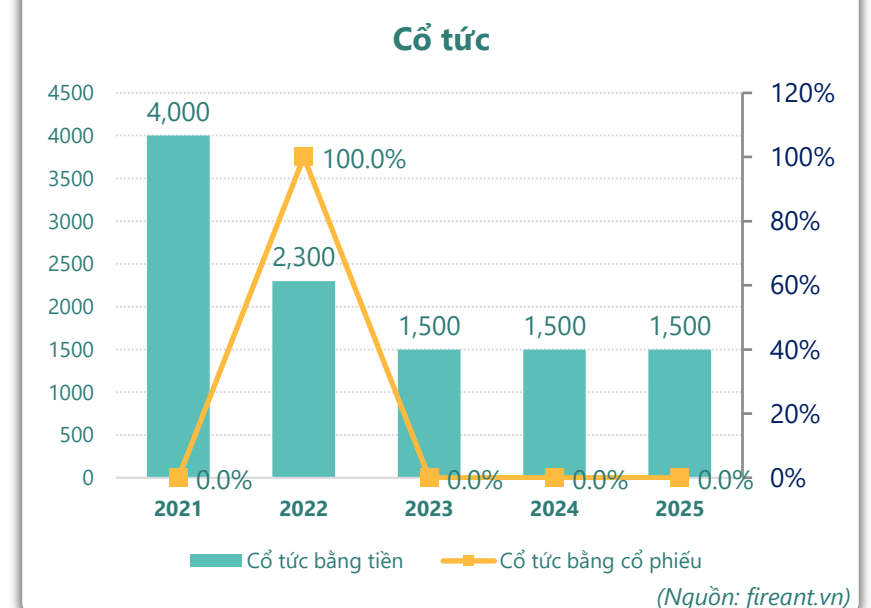
DT thuần 9T 2025
782
tỷ VNĐ
YoY: ▼158 -16.8%

LN thuần 9T 2025
45.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.10 -11.9%

LN sau thuế 9T 2025
36.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.80 -14.0%



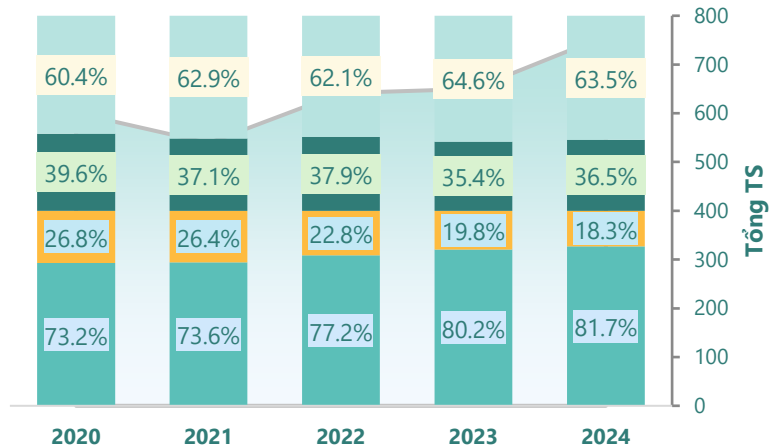
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

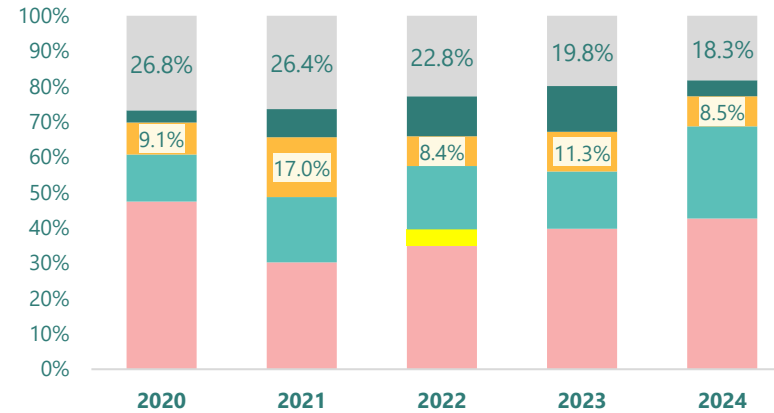
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

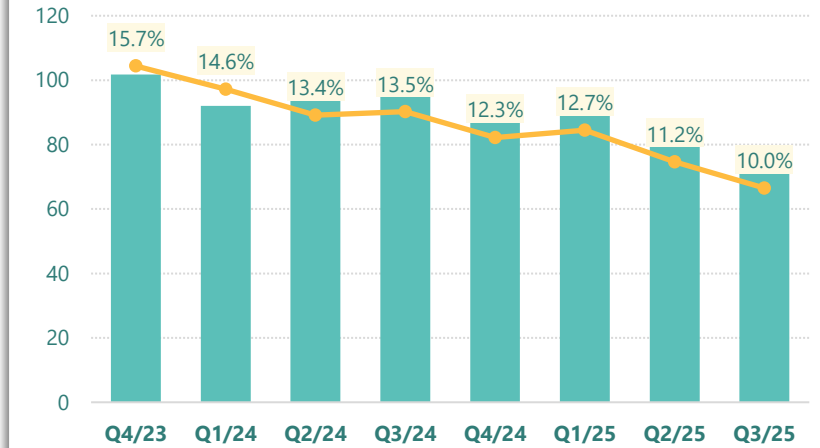


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

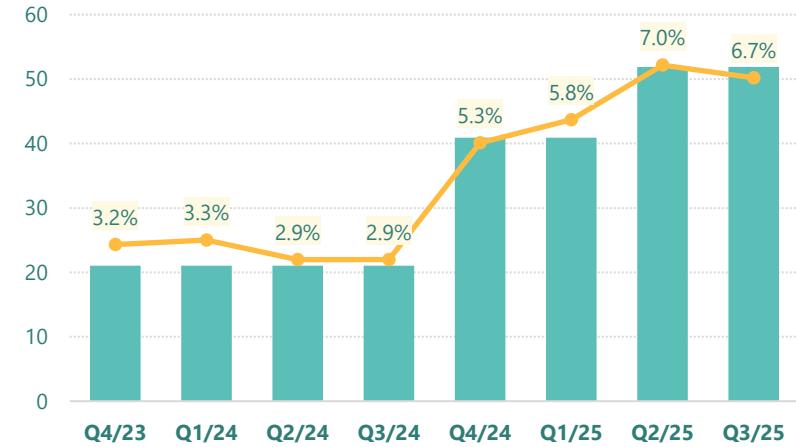


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

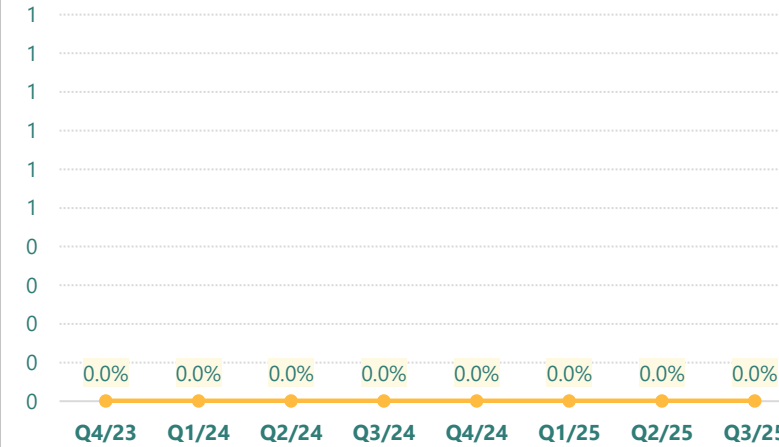


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

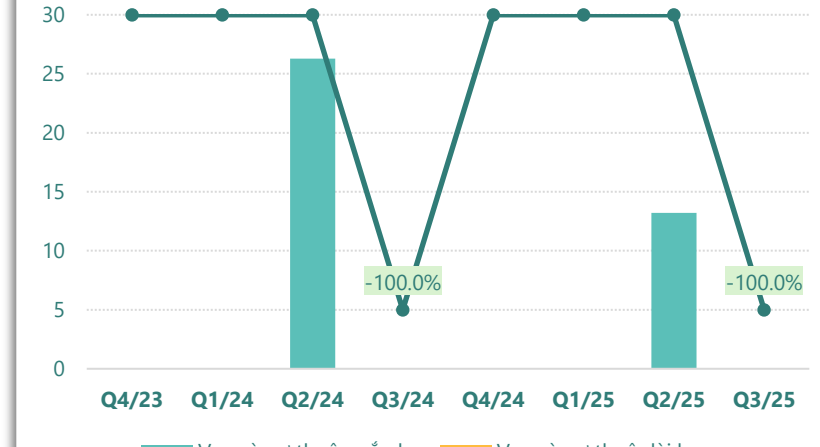


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

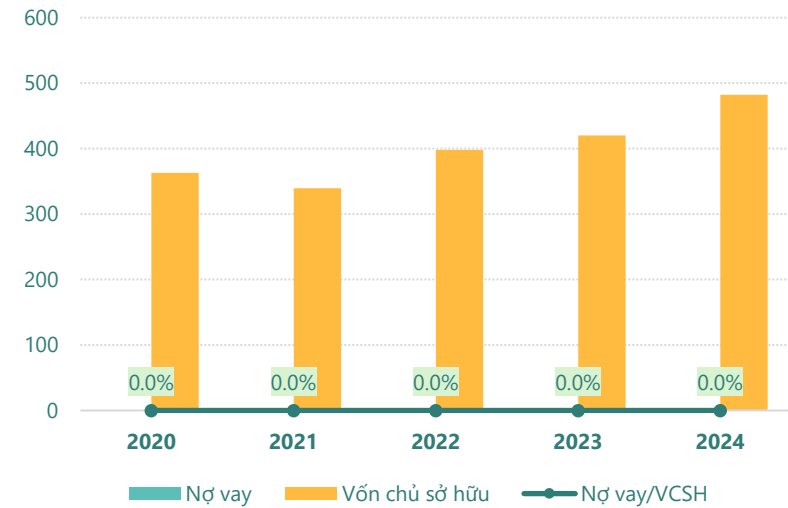
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

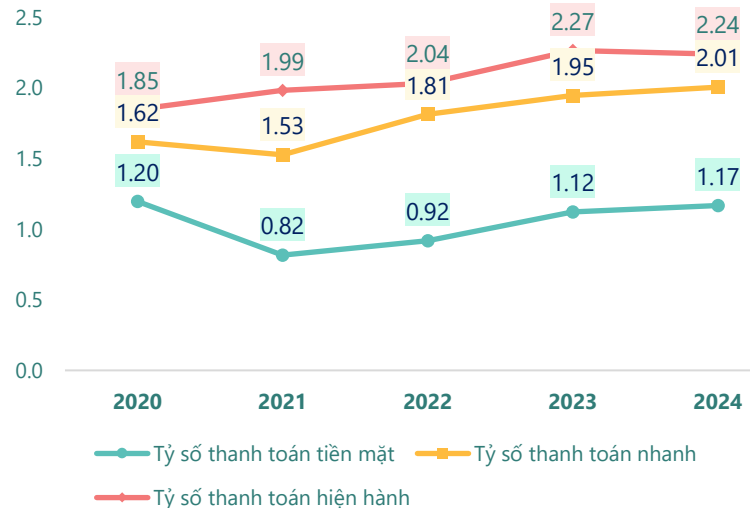
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



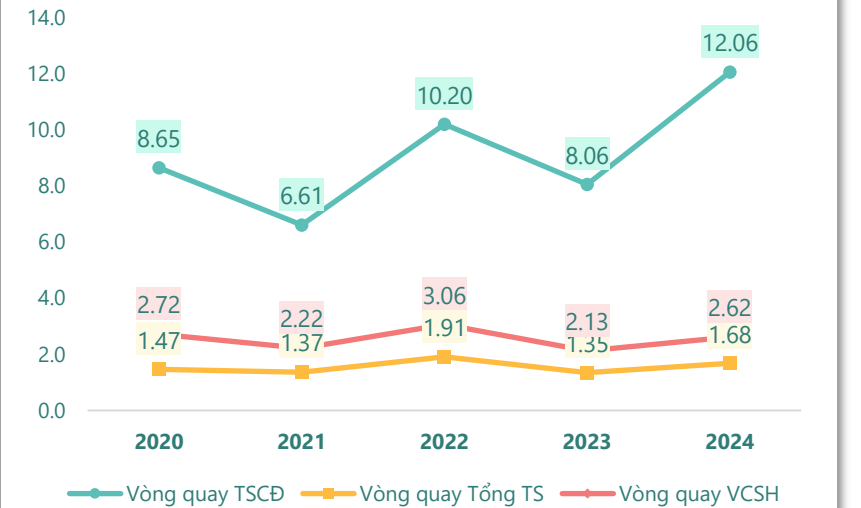
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



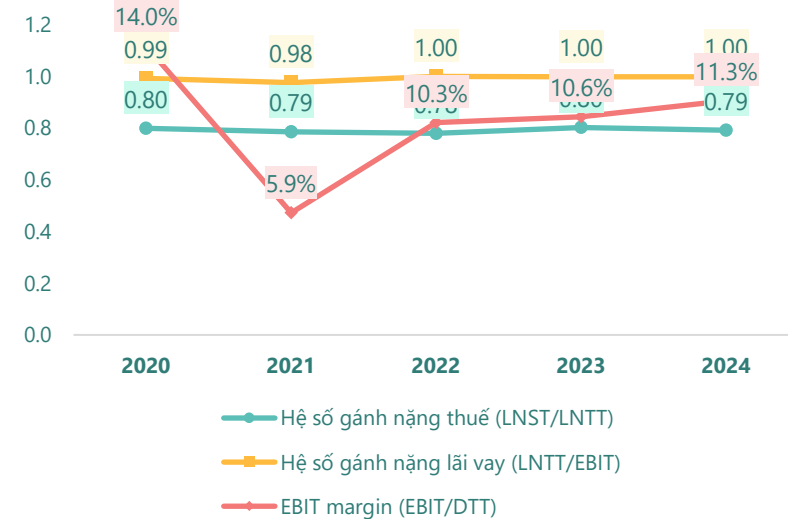
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



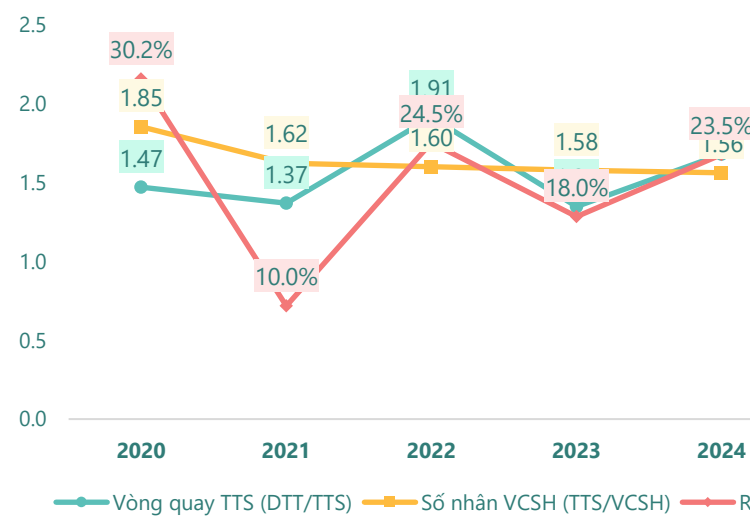
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



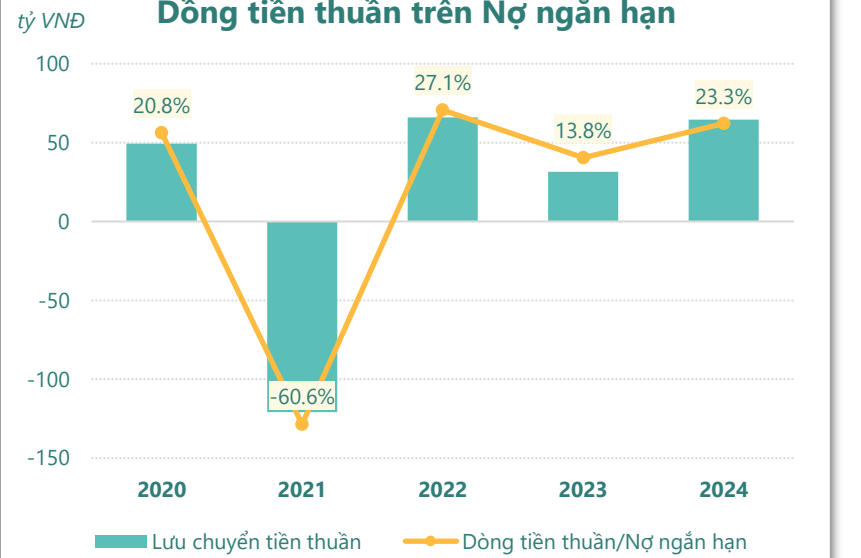
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	233	367	-36.6%	782	940	-16.8%
Giá vốn hàng bán	206	315	-34.5%	691	822	-16.0%
Lợi nhuận gộp	26.1	51.5	-49.3%	91.7	118	-22.3%
Doanh thu HĐTC	6.56	1.92	242%	18.0	14.7	22.7%
Chi phí TC	0.78	7.87	-90.1%	2.32	11.0	-78.9%
Chi phí lãi vay	0.02	0.02	-8.2%	0.02	0.16	-87.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	4.45	10.8	-58.8%	11.8	19.5	-39.3%
Chi phí QLDN	14.3	16.3	-12.4%	50.5	51.0	-1.0%
LN thuần từ HĐKD	13.2	18.5	-28.7%	45.1	51.2	-11.9%
Lợi nhuận khác	0.14	1.81	-92.0%	0.47	1.74	-73.0%
LN trước thuế	13.3	20.3	-34.3%	45.6	52.9	-13.9%
Lợi nhuận sau thuế	10.7	16.2	-34.1%	36.2	42.0	-14.0%
LNST của CĐ cty mẹ	10.7	16.2	-34.1%	36.2	42.0	-14.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	118	121	-84.1	-36.8	-114	280
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.11	-60.7	52.7	1.10	-10.5	-54.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.38	-26.3	0	0	-22.4	-13.2
Tiền đầu kỳ	210	311	349	323	288	141
Lưu chuyển tiền thuần	104	33.6	-31.4	-35.7	-147	212
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.80	5.01	5.55	0	0.32	-0.19
Tiền cuối kỳ	311	349	323	288	141	353

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	775	759	2.1%
Tài sản ngắn hạn	646	620	4.1%
Tiền và tương đương tiền	353	323	9.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	178	198	-9.8%
Hàng tồn kho	64.0	64.7	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	49.9	34.4	45.4%
Tài sản dài hạn	129	139	-6.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	77.3	94.3	-18.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.9	40.9	26.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.22	3.44	-93.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	277	10.3%
Nợ ngắn hạn	305	277	10.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	42.8	38.8	10.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	470	482	-2.6%
Vốn chủ sở hữu	470	482	-2.6%
Vốn điều lệ	238	238	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

